TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2021

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan.**

3. Ông **Trương Văn Hơn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vĩnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trịnh Thanh Dũ**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Võ Ngọc T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.(có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: **Võ Hùng M**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu phố Xóm Gò 1, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 17/9/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Ngọc T trình bày:

Chị và anh M kết hôn và sống chung từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện GT. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M ăn chơi, đá gà, cờ bạc, bỏ đi đâu không biết đến nay là 06 tháng, sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Vợ chồng không có hàn gắn trao đổi tình cảm, hiện tại không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay không còn tình cảm với anh M nên chị T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Hùng M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Phương T2, sinh ngày 12/4/2016; Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Võ Hùng M đã được tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Ngọc T.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác M thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc T, chị Võ Ngọc T được ly hôn với anh Võ Hùng M, giao con chung tên Võ Phương T2 cho chị T nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng do chị T không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Võ Ngọc T có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Hùng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Ngọc T và anh Võ Hùng M kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện GT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016 ngày 04/4/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị Võ Ngọc T cho rằng quá trình sống chung, anh Võ Hùng M không lo làm ăn để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình mà thường xuyên ăn chơi, đá gà, cờ bạc, bỏ đi đâu không biết đến nay là 06 tháng, sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, tạo cơ hội cho anh M sửa chữa nhưng anh M vẫn không thay đổi.

[4] Bị đơn Võ Hùng M đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, anh Võ Hùng M không chí thú làm ăn lo cho gia đình mà chỉ ăn chơi, đá gà, cờ bạc, bỏ gia đình đi đâu không biết; không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa chị Võ Ngọc T và anh Võ Hùng M không còn sự yêu thương, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chị Võ Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Hùng M là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung: có 01 con chung tên Võ Phương T2, sinh ngày 12/4/2016. Khi ly hôn, chị Võ Ngọc T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, anh Võ Hùng M cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Phương T2 của chị Võ Ngọc T, là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Võ Ngọc T không yêu cầu anh Võ Hùng M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Ngọc T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Ngọc T được ly hôn với anh Võ Hùng M.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Phương T2, sinh ngày 12/4/2016 cho chị Võ Ngọc T nuôi dưỡng.

Anh Võ Hùng M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có;

- Về án phí: Chị Võ Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018097 ngày

07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND TT V, huyện GT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An